

MỘT SỐ KHUYNH HƯỚNG CỦA TIỂU THUYẾT VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

MAI TRƯƠNG HUY*

Một trong những điều quan trọng và đáng bàn nhất của tiểu thuyết Việt Nam đương đại là vấn đề nhận thức và xử lý chất liệu hiện thực, nhằm đưa lại những hiệu quả thẩm mỹ mới phù hợp với nhu cầu của xã hội. Bài viết trên cơ sở lấy chức năng (nhận thức hiện thực) và thi pháp thể loại (phương thức, bút pháp khai thác hiện thực) của tiểu thuyết, đưa ra một cái nhìn bao quát, xác định những đặc điểm cơ bản và thành tựu của một số khuynh hướng tiểu thuyết tiêu biểu ở nước ta trong thời gian qua.

Từ khóa: khuynh hướng, vận động, tiểu thuyết đương đại, nhận thức hiện thực.

ABSTRACT

Some trends in contemporary novel Vietnam

One of the most important and worthy goals of Vietnam novel is contemporary cognitive problems and handle material reality, to bring back the aesthetic effect to suit the needs of society... articles based on taking functions (cognitive reality) and poetics category (methods, realistic style exploitation) of the novel, giving a bird's eye view, drill down to identify the characteristics and the achievement of a typical novel trends in our country over time.

Keywords: trend, movement, contemporary fiction, reality awareness.

1. Cơ sở lí luận

Tiểu thuyết là một thể loại uyển chuyển, chưa hoàn chỉnh và đang phát triển. Khi bàn về đặc trưng thể loại của tiểu thuyết, Bakhtin nhấn mạnh tính tự giễu nhại và điều chỉnh của tiểu thuyết là do tiểu thuyết lấy đối tượng phản ánh của mình là cái hiện thực đang tiếp diễn. M.Kundera nhận định: “Tất cả mọi tiểu thuyết của thời đại đều chăm chú vào bí ẩn của cái tôi. Từ lúc anh bắt đầu sáng tạo một con người tưởng tượng, một nhân vật, tức thì anh đối mặt với câu hỏi: cái tôi là gì? Bằng cách nào nắm bắt được cái tôi? Đây là một trong những câu hỏi cơ bản trên đó tiểu thuyết được hình thành

với tư cách là tiểu thuyết. Nếu anh muốn, qua các cách trả lời khác nhau đối với câu hỏi đó anh có thể phân biệt các khuynh hướng khác nhau” [3, tr.27-28].

Tiểu thuyết là một thể loại luôn biến đổi và phát triển. Mỗi tác phẩm là một chỉnh thể nghệ thuật có đời sống riêng, số phận riêng, các yếu tố cấu thành luôn có mối quan hệ tương hỗ. Nguyễn Minh Châu quan niệm: “Một thể loại văn học phải chứng tỏ sức sống của nó ở tính đa dạng và không ngừng cách tân. Nhất là đối với tiểu thuyết, một thể loại có một sức chứa và sức chờ rất lớn.” [4, tr.105]. Nguyễn Minh Châu luôn trăn trở, lo âu và chan chứa niềm tin về con người, ông

* ThS, Trường THPT Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Email: maitruonghuy68qn@gmail.com

đã thể hiện rõ quan điểm của mình về đổi mới tiểu thuyết: “Chúng ta tiếp thu các hình thức tiểu thuyết chính là để trở về xem xét con người Việt Nam một cách sáng tỏ và để đào xới vào nó sâu hơn”¹. Tiểu thuyết đương đại hướng dần đến nguyên tắc đa âm, đa sắc, có khả năng đối thoại, tạo nên những tầng ý nghĩa khác nhau trong tác phẩm. Năm 1988, trên *Tác phẩm văn học*, số 7, nhà văn Mạc Phi đã hướng tới sự phát triển thể loại tiểu thuyết qua cái nhìn mới mẻ về con người: “Con người trong tiểu thuyết ta ngày hôm nay và sắp tới sống tất bật, ồn ào trong chiều rộng của thế giới bao quanh... đồng thời cũng rất sâu sắc, rất đậm, trong chiều dày của tâm trạng”. Nhà văn Nguyên Ngọc cũng từng phát biểu: “Văn học chăm chú quan tâm hơn đến con người với tư cách là một thế giới cá nhân phong phú, phức tạp, đa dạng, đa chiều, đa tầng trong nhiều mối quan hệ cũng hết sức phức tạp và đa dạng với toàn xã hội và với chính mình”².

Đổi mới tư duy nghệ thuật tiểu thuyết được khởi đầu cùng với sự đổi mới quan niệm về thể loại. Từ đó, giúp cho các nhà tiểu thuyết đương đại khám phá hiện thực bằng nhiều cách thức khác nhau. Trong môi trường văn hóa, văn học được mở rộng giao lưu và hội nhập, nhiều khuynh hướng tiểu thuyết hiện đại phương Tây và những lí thuyết mới về tiểu thuyết đã tác động sâu sắc đến quan niệm và cách viết của hầu hết các nhà tiểu thuyết Việt Nam đương đại. Quan niệm mới về tiểu thuyết nước ta hiện nay chịu ảnh hưởng nhiều từ lí luận của

M. Bakhtin và M. Kundera. Bằng các thủ pháp nghệ thuật hiện đại, nhà văn thể hiện bản chất đa dạng của cuộc sống thời hậu chiến. Sự đa dạng về thủ pháp nghệ thuật dẫn đến sự đa dạng về phương thức biểu hiện. Từ góc nhìn đặc trưng thể loại, chúng ta nhận thấy rằng tiểu thuyết Việt Nam ngày càng xuất hiện nhiều khuynh hướng, thể hiện sự cách tân trong xu thế hội nhập với văn học thế giới. Tinh thần dân chủ là phẩm chất cơ bản của tiểu thuyết. Mỗi tác phẩm là những giả thuyết hàm chứa những suy nghĩ sâu sắc của nhà văn về đời sống. Quan niệm về con người cũng là một cơ sở để xuất hiện nhiều phương thức biểu hiện của tiểu thuyết. Từ cái nhìn mang tính lịch sử đến các mối quan hệ cơ bản của con người trong hiện thực mới. Cuộc sống mới đã đặt con người trước những mối quan hệ phức tạp mà trước 1975 chưa hề có.

Trong bài *Văn học và hiện thực trong tầm nhìn hiện đại*³, Trần Đình Sử khái quát: “Từ quan hệ tác phẩm (văn học) với thế giới ta có lí thuyết mô phỏng cổ xưa và thuyết phản ánh ngày nay. Từ quan hệ nghệ sĩ với tác phẩm, ta có lí thuyết biểu hiện, sáng tạo. Từ quan hệ tác phẩm (văn học) với người thưởng thức ta có lí thuyết giáo huấn thực dụng truyền thống và lí thuyết giao tiếp, tiếp nhận hiện đại. Từ bản thân tác phẩm trong quan hệ nghệ sĩ và người tiếp nhận ta có vấn đề nội dung, ý nghĩa, kí hiệu, trò chơi, giải trí”. Như vậy, chúng ta không thể phủ nhận mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cũng như phản ánh luận. Ở phương diện này, tiểu thuyết nhận thức,

xử lí chất liệu hiện thực là một nguyên lí cơ bản, quan trọng và không thể thiếu. Chúng tôi muốn nhấn mạnh quan điểm của Todor Pavlov, ông cho rằng, phản ánh là sản phẩm của “tác động qua lại”, nên văn học không chỉ đơn giản là tái hiện, mô phỏng hiện thực, mà nó còn phản ứng, đáp trả, phủ nhận, giễu nhại, trào lộng hiện thực. Nghĩa là văn học nhận thức và xử lí chất liệu hiện thực thông qua thế giới hình tượng nghệ thuật. Tất cả những gì mà con người nhận thức có ý nghĩa đối với cuộc sống, từ đó họ tìm ra những hướng đi vươn tới những giá trị tốt đẹp hơn, nhân văn hơn trong tác phẩm là một thực tế. Hiện thực cho phép nhà văn khám phá ra nhiều ý nghĩa của thế giới đối với cuộc sống và nghệ thuật.

Ý nghĩa của cuộc sống biến đổi theo quá trình phát triển của hiện thực, do đó, không có hiện thực bất biến. Sau 1975, đặc biệt từ sau 1986, xã hội Việt Nam thay đổi và phát triển, hiện thực cuộc sống ngồn ngàng, chông chênh nhiều mặt đối lập, sự phức tạp của cuộc sống đã xâm nhập vào văn học, đặc biệt là tiểu thuyết. Mỗi nhà tiểu thuyết khẳng định mình qua một giọng điệu riêng, bút pháp riêng, góp phần cách tân một thể loại năng động và linh hoạt nhất của văn học. Đặc điểm thi pháp thể loại, bút pháp là yếu tố quan trọng để khu biệt các khuynh hướng tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

2. Các khuynh hướng vận động, phát triển của tiểu thuyết Việt Nam đương đại

Từ những vấn đề lí luận và thực tiễn đời sống văn học, căn cứ vào đặc điểm thi pháp thể loại, chúng tôi chia tiểu thuyết Việt Nam đương đại thành các khuynh hướng sau:

2.1. Khuynh hướng hiện thực – trào lộng

Nhà lí luận văn học M. Bakhtin quan tâm sâu sắc đến tiếng cười trong tiểu thuyết. So sánh với sử thi, ông nhấn mạnh tinh thần của tiểu thuyết là yếu tố trào tiêu: “Chính tiếng cười đã xóa bỏ khoảng cách sử thi và nói chung mọi khoảng cách ngôi thứ – giá trị – ngăn chia”. Và ông nhận định: “Tiếng cười đúng là môi sinh của tiểu thuyết: ở nền văn học nào vắng tiếng cười thì ở đó tiểu thuyết hoặc không thể trưởng thành, hoặc thui chột” [2, tr.17]. Để khẳng định về sự hiện hữu của khuynh hướng hiện thực – trào lộng trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến quan niệm của M. Kundera: “Tiểu thuyết sinh ra không phải vì tinh thần lí thuyết mà từ tinh thần hài hước... Nghệ thuật bắt nguồn cảm hứng từ cái cười của Thượng Đế, trong bản chất của nó, không lệ thuộc mà trái ngược với những niềm tin ý thức hệ... Nhưng tại sao Thượng Đế lại cười khi con người đang suy nghĩ? Bởi con người suy nghĩ và chân lí tuột mất khỏi tay anh ta. Bởi vì con người càng suy nghĩ, thì ý nghĩ của người này lại càng xa ý nghĩ của người khác. Và cuối cùng, con người không bao giờ là cái mà nó tưởng là nó thể” [3, tr.125-127].

Sau 1986, tiểu thuyết Việt Nam áp sát cuộc sống, mở rộng biên độ thẩm mỹ, cái bi không còn phải né tránh, tinh thần hài hước chiếm vị thế chủ đạo. Khi những chuẩn mực hiện thực đời sống bị chệch hướng, lệch pha thì cái hài xuất hiện, cái nhìn giễu nhại, trào lộng đã trở thành một khuynh hướng của tiểu thuyết đương đại.

Bút pháp trào lộng trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại được thể hiện qua nhiều giọng điệu và cấp độ khác nhau. Giọng điệu hài hước, trào lộng, châm biếm nhẹ nhàng nhưng sâu cay, sắc sảo, mang tính chất tự trào như *Thượng đế thì cười* (Nguyễn Khải), *Mùa lá rụng trong vườn* (Ma Văn Kháng), *Đi tìm nhân vật* (Tạ Duy Anh), *Thời xa vắng* (Lê Lựu), *Án mây dĩ vãng* (Chu Lai)... Thủ pháp giễu nhại, trào lộng đa cung bậc, giọng điệu giễu nhại đa sắc thái như *T. mất tích* (Thuận), *Người sông Mê* (Châu Diên), *Ba người khác* (Tô Hoài), *Sóng ở đáy sông* (Lê Lựu), *Utopi – một miếng để đời* (Vũ Bảo), *Khải huyền muộn* (Nguyễn Việt Hà), *Thiên sứ* (Phạm Thị Hoài)... Thủ pháp trào lộng mang chất trào tiếu dân gian, tạo dựng những màn kịch nhỏ trong màn kịch lớn làm nổi rõ sự tranh chấp sâu sắc giữa hai mảng sáng tối, một mảng là thế giới văn hóa, mảng kia là sự đảo lộn mọi giá trị, lối bịch và kịch cỡm như *Mười lẻ một đêm* (Hồ Anh Thái), *Luật đời và cha con* (Nguyễn Bắc Sơn), *Thần thánh và bươm bướm* (Đỗ Minh Tuấn), *Thiên thần sám hối* (Tạ Duy Anh), *Vết sẹo và cái đầu hói* (Võ Văn Trực), *Người và dã thú* (Nguyễn Quang Vinh)...

Trào lộng trở thành một giọng chủ đạo, khuynh hướng hiện thực – trào lộng đem lại cái nhìn mới mẻ cho tiểu thuyết đương đại Việt Nam. Theo Mai Hải Oanh, sự xuất hiện của bút pháp trào lộng ngày càng nhiều trong tiểu thuyết đương đại là do ba căn nguyên cơ bản: “thứ nhất, có ý nghĩa cân bằng sinh thái văn học sau một thời gian dài văn học ta quá nghiêm trang; thứ hai, là một nhu cầu giải tỏa áp lực của đời sống hiện đại; thứ ba, quan trọng hơn, thể hiện tinh thần dân chủ hóa trong văn học” [5, tr.44]. Chúng tôi nhấn mạnh, khuynh hướng hiện thực – trào lộng thể hiện quan niệm về bản chất dân chủ của thể loại. Những tác phẩm thuộc khuynh hướng này vừa giàu giá trị nhân văn, vừa nâng tầm nhận thức về cuộc sống và thời đại.

2.2. *Khuynh hướng hiện thực – hiện sinh*

Về cơ bản, tinh thần hiện sinh trong văn học là sự kiếm tìm bản thể. Triết học hiện sinh đã có một sức hút lớn đối với các nhà văn đương đại Việt Nam. Có lẽ, ở đây các nhà tiểu thuyết tìm thấy sự đồng điệu về cảm nhận cuộc sống khi họ trực diện với những đổi thay của đất nước và của thời đại. Tiểu thuyết Việt Nam đương đại đã vượt ra khỏi những khuôn mẫu bởi những cách tân độc đáo, mang đậm dấu ấn con người cá thể. Cảm quan hiện sinh làm biến đổi nội dung và nghệ thuật biểu hiện của tác phẩm. Các nhà văn đương đại có những chuyển hướng trong nhận thức, tư duy về bản thể con người, phá vỡ cái nhìn đơn phía, tĩnh tại để tạo ra một cái nhìn đa tầng, đa

diện, sâu sắc hơn. M. Kundera quan niệm: "...Nếu lẽ sống của tiểu thuyết là thường xuyên soi sáng cái "thế giới sự sống" và bảo vệ chúng ta chống lại sự "lãng quên con người", thì phải chăng sự tồn tại của tiểu thuyết lúc này là cần thiết hơn bao giờ hết?" [3, tr.23-24].

Tiểu thuyết Việt Nam đương đại, đặc biệt từ sau 1986, nhìn nhận con người như một cá thể bình thường trong những môi trường sống bình thường. Nhân vật trong tiểu thuyết là những con người với trăm nghìn mảnh đời khác nhau. J. P. Sartre quan niệm "con người không là gì khác ngoài cái mà bản thân anh ta tạo nên". M. Kundera cho rằng: "Tiểu thuyết khảo sát không phải hiện thực mà khảo sát cuộc sống. Và cuộc sống không phải những gì diễn ra, cuộc sống là vùng các khả năng của con người, tất cả những gì con người có thể trở nên, tất cả những gì con người có thể. Các nhà tiểu thuyết vẽ nên tấm bản đồ cuộc sống bằng cách khám phá ra khả năng này hay khả năng khác của con người" [3, tr.48]. Các nhà tiểu thuyết Việt Nam đương đại tập trung vào các trạng thái hiện hữu cá biệt của con người trong đời sống, đã làm nên một khuynh hướng tiểu thuyết hiện thực – hiện sinh ở Việt Nam. Có thể cảm nhận cảm quan hiện sinh qua *T. mất tích* (Thuận), *Và khi tro bụi* (Đoàn Minh Phượng), *Giữa vòng vây trần gian* (Nguyễn Danh Lam), *Sự trở lại của vết xước* (Trần Nhã Thụy), *Chuyện tình mùa tạp kỹ* (Lê Anh Hoài), *Cơ hội của Chúa* (Nguyễn Việt Hà)...

2.3. Khuynh hướng hiện thực – huyền ảo

Trong bài viết "Một cách tiếp cận tiểu thuyết Việt Nam thời kì đổi mới", nhà nghiên cứu Nguyễn Bích Thu nhận định rằng, các tiểu thuyết gia Việt Nam đương đại đã có ý thức đi sâu vào thế giới nội tâm để khám phá chiều sâu tâm linh nhằm nhận thức con người đích thực. Sự xuất hiện con người tâm linh trong tiểu thuyết là biểu hiện rõ nét sự đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học. Các nhà văn tiếp cận với thế giới đằng sau thế giới hiện thực là thế giới tâm linh. Từ đó, họ đã có ý thức thay đổi hình thức biểu đạt, ngòi bút nhà văn khai thác sâu vào cõi vô thức, tiềm thức, giấc mơ của con người.

Khuynh hướng này "đã đem đến cho người đọc nhiều cảm xúc mới mẻ về một hiện thực nghiệt ngã và phức tạp qua những huyền thoại giàu chất tưởng tượng. Các nhà văn đã tìm đến các motif huyền ảo như một phương tiện nghệ thuật hữu hiệu để truyền đến người đọc những cách tiếp cận hiện thực một cách sinh động" [5, tr.42-43]. Từ đó, người đọc nhận ra bản chất cuộc sống bằng tính đa chiều, đa tầng của nó. Khi đi vào tác phẩm, các huyền thoại được biến chuyển thành những hàm lượng nghĩa mới theo từng mảng cuộc sống xã hội mà tiểu thuyết đó phản ánh. Chất huyền ảo trong *Thiên sứ* là sự pha trộn giữa văn hóa phương Đông và phương Tây, tạo nên nhiều lớp nghĩa và giàu chất triết học. *Thiên thần sám hối* sáng tạo ra một nhân vật thai nhi nhìn đời, suy ngẫm về chuyện

đòi khi còn nằm trong bụng mẹ. Hình tượng ánh trăng trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương mang một thứ ánh sáng kì quái, rợn người.

Sau 1986, khuynh hướng hiện thực – huyền ảo đã thu hút khá nhiều các nhà tiểu thuyết tên tuổi. Khuynh hướng này giúp nhà văn nhìn sâu hơn vào thế giới nội tâm con người trong một xã hội đã và đang tiếp tục đổi mới. Đồng thời, sau một thời gian dài đậm chất sử thi, thiên về ngợi ca, khuynh hướng này giúp lạ hóa, hấp dẫn đối với thể loại tiểu thuyết đương đại: *Thiên sứ* (Phạm Thị Hoài), *Luật đời và cha con* (Nguyễn Bắc Sơn), *Thần thánh và bướm bướm* (Đỗ Minh Tuấn), *Thiên thần sám hối* (Tạ Duy Anh), *Vết sẹo và cái đầu hói* (Võ Văn Trực), *Người và dã thú* (Nguyễn Quang Vinh), *Chim én bay* (Nguyễn Trí Huân), *Ấn mây dĩ vãng* (Chu Lai), *Cõi người rung chuông tận thế* (Hồ Anh Thái), *Ngược dòng nước lũ* (Ma Văn Kháng), *Người đi vắng* (Nguyễn Bình Phương), *Giàn thiêu* (Võ Thị Hào), *Người sông Mé* (Châu Diên)...

Khuynh hướng hiện thực – huyền ảo đã đem đến cho tiểu thuyết đương đại những cảm nhận mới, tạo được sự hấp dẫn, hứng thú cho người đọc. Bức tranh cuộc sống được nhà văn nhận thức toàn vẹn, sống động hơn qua thế giới hình tượng nghệ thuật mới lạ, huyền ảo, sinh động. Hiện thực cuộc sống được xây dựng bằng thế giới hình tượng huyền thoại, người đọc như bị mê hoặc trong thế giới huyền ảo đó nhưng chất hiện thực vẫn được giữ nguyên vẹn. Các nhà tiểu thuyết đã dùng thế giới phi lí để nhận

thức thế giới có lí, dùng huyền thoại để nhận thức hiện thực, dùng thế giới tiềm thức, vô thức để nhận thức cuộc sống hiện hữu của con người. Đó là hiệu quả nghệ thuật mà khuynh hướng này mang lại cho thể loại tiểu thuyết.

2.4. Khuynh hướng hiện thực – tượng trưng

Theo nghĩa rộng, “tượng trưng là hình tượng được hiểu ở bình diện kí hiệu, là kí hiệu chứa tính đa nghĩa của hình tượng” [1, tr.331]. Như vậy, mọi tượng trưng đều là hình tượng, mỗi hình tượng được tượng trưng ở những mức độ và sắc thái khác nhau. Phạm trù tượng trưng nhằm chỉ cái phần mà hình tượng vượt khỏi chính nó, “chỉ là sự hiện diện của một nghĩa nào đó vừa hòa hợp với hình tượng, vừa không đồng nhất hoàn toàn vào hình tượng” [1, tr.331]. Về cơ bản, tượng trưng khác với phúng dụ, nghĩa của tượng trưng không thể giải mã bằng suy lí bởi vì tính đa nghĩa. Tượng trưng có cấu trúc nghĩa đa tầng và nó dự báo đến sự kí thác của người tiếp nhận. Theo nghĩa hẹp, tượng trưng là một dạng chuyển nghĩa như phúng dụ, là tập hợp một hệ thống ẩn dụ. Mỗi yếu tố trong hệ thống nghệ thuật đó đều có thể trở thành tượng trưng nếu yếu tố đó đạt độ cô đọng của sự khái quát theo dụng ý nghệ thuật của tác giả trong văn cảnh tác phẩm và văn cảnh văn học của một thời đại nhất định. Cấu trúc tượng trưng trong nghệ thuật thể hiện sự sâu sắc về bản chất của hình tượng nghệ thuật. Với khuynh hướng này, các nhà văn Việt Nam đương đại tránh được quan niệm giản đơn về

hình ảnh sao chép như thật trong tiểu thuyết.

Khuynh hướng hiện thực – tượng trưng tạo nên tính đa nghĩa của tác phẩm, đặc biệt có hiệu quả khi xây dựng hình tượng nghệ thuật. Nó đòi hỏi người đọc phải có một năng lực giải mã hệ thống hình tượng thì mới nhận thức được chiều sâu tư tưởng của nhà văn thể hiện trong tác phẩm. Sức hấp dẫn, ý nghĩa, chất lượng nghệ thuật được thể hiện qua thể giới hình tượng nghệ thuật. Màu sắc tượng trưng của tiểu thuyết đương đại được xây dựng bằng những chi tiết, hình tượng rất khác lạ so với logic cuộc sống đời thường. Trong *Giàn thiêu*, Võ Thị Hảo xây dựng một chi tiết rất giàu chất tượng trưng là để nhân vật Từ Vinh tuy đã chết nhưng vẫn đứng trên sông chỉ tay vào nhà Diên Thành Hầu. Hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết của Võ Thị Hảo thường trải qua nhiều kiếp, miêu tả những những âm thanh oan thán của những oan hồn... Trong *Cõi người rung chuông tận thế*, Hồ Anh Thái xây dựng nhân vật Mai Trùng là một hình tượng giàu màu sắc tượng trưng. Nhân vật này đề cao cái thiện, chống lại thế lực cái ác và hóa giải hận thù. Bên cạnh đó, *Mẫu thượng ngàn* (Nguyễn Xuân Khánh), *Thiên sứ* (Phạm Thị Hoài) là những tiểu thuyết khá thành công theo khuynh hướng này. Họ là những nhà văn có ý thức lí giải và nhận thức hiện thực theo một quan điểm riêng, không nhất thiết phải theo sự logic thông thường. Những tiểu thuyết sáng tác theo khuynh hướng này vừa đạt hiệu quả chiều sâu và ý nghĩa

lấp lánh của hình tượng, vừa mở rộng biên độ các tầng nghĩa trong tác phẩm.

2.5. *Khuynh hướng hiện thực – lịch sử*

Gắn với cảm quan lịch sử và tư duy nhận thức lại, một bộ phận tiểu thuyết Việt Nam đương đại hướng sự quan tâm đến những câu chuyện thuộc về quá khứ. Tiểu thuyết lịch sử truyền thống coi tính chuẩn xác, khách quan như những tiêu chuẩn bất di bất dịch theo một mẫu số chung. Tiểu thuyết hiện thực – lịch sử đương đại tiếp cận quá khứ bằng tư duy chủ quan của người sáng tác. Sự hoài nghi, nhìn lại lịch sử, luận giải lịch sử bằng những góc nhìn khác nhau và thể hiện bằng những giọng điệu khác nhau. Những khái niệm vững chắc của truyền thống được thiết lập thành những mô hình mới.

Tiểu thuyết đương đại nhận thức, khám phá những gì chưa định hình thay vì đặt niềm tin vào những gì đã thành khuôn mẫu. Khuynh hướng này hướng đến nhận thức hiện thực lịch sử bằng bút pháp đối thoại, giải thiêng cùng với những hoài nghi quá khứ. Có thể kể đến những tiểu thuyết thành công thuộc khuynh hướng này như *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Tây Sơn bi hùng truyện* (Lê Đình Danh), *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo), *Bí mật hoàng cung* (Bùi Anh Tấn), *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân)...

3. **Kết luận**

Tất nhiên, còn nhiều tiêu chí làm điểm tựa lí luận để phân chia tiểu thuyết thành nhiều khuynh hướng khác nhau. Thiết nghĩ, sự phân chia thành các khuynh hướng trên để nhận diện toàn bộ

diện mạo tiêu thuyết đương đại là vấn đề chưa thể dừng lại, vì *tiểu thuyết được xem là thể loại năng động và linh hoạt nhất của văn học*. Đây là một việc cần phải làm và rất cần thiết đối với thể loại văn học đặc thù này. Bởi vì, trong thực tiễn sáng tác, các cây bút tiểu thuyết đương đại luôn có ý thức tìm tòi, đổi mới tư duy nghệ thuật, nhằm thúc đẩy thể loại phát triển. Tiểu thuyết đương đại đổi mới nhận thức và xử lý chất liệu hiện thực,

gắn thể loại với nội dung nhân bản, với cuộc sống đã và đang tiếp diễn. Mọi sự sáng tạo, đổi mới tư duy nghệ thuật thể loại thực sự có ý nghĩa khi với tài năng và tâm huyết của mình, nhà văn có một cái nhìn mới về hiện thực cuộc sống, cùng hòa nhịp với dòng mạch văn học nhân loại, tạo nên một diện mạo mới, một sinh khí mới cho tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

¹“Vài suy nghĩ về tiểu thuyết”, Báo *Văn nghệ*, số 39/1983, tr.2.

²“Văn xuôi Việt Nam hôm nay...”, Báo *Lao động chủ nhật*, số ra ngày 18-3-1990.

³Báo cáo tại Hội nghị khoa học về văn học phản ánh hiện thực đất nước hôm nay, Đà Lạt, ngày 12/7/2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2001) (chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. M. Bakhtin (1992), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch), Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
3. M. Kundera (1998), *Nghệ thuật tiểu thuyết* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
4. Nhiều tác giả (2001), “Các nhà văn bàn về tiểu thuyết”, *Văn nghệ quân đội*, (2), tr.108-113; (3), tr.105, 180.
5. Mai Hải Oanh (2008), *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1986 – 2006*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Văn học, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 27-10-2014; ngày phản biện đánh giá: 07-11-2014;
ngày chấp nhận đăng: 20-01-2015)